TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 04 - 7 - 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phạm Công Gia.**
2. Ông **Trịnh Ngọc Thành.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Văn Năng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/2023/TB-TA ngày 25 tháng 5 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị V – 1973.
Địa chỉ: Số 03, tổ 2, ấp 1, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Phún Cỏng S – 1978 và bà Ửng Thanh H – 1980.
Địa chỉ: Ấp 6, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
(có mặt bà V; vắng mặt ông S, bà H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị V trình bày:
Bà và bà Ửng Thanh H có mối quan hệ quen biết nhau. Bà và bà H đều làm chủ hụi tại địa phương.

Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2021, bà có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ hụi và bà H cũng có tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi.

Cụ thể bà H chơi hụi do bà làm chủ hụi các dây hụi sau:

- Dây thứ 01: Dây hụi tháng, khui ngày 06/8/2020 (âm lịch), gồm 21 phần, mỗi phần đóng 2.000.000đ/tháng. Bà H tham gia 02 phần và đã hốt hụi vào ngày 06/10/2020 (âm lịch), ngày 06/11/2020 (âm lịch). Sau đó, bà H đóng hụi đến hết tháng 12/2021 (âm lịch) thì không tiếp tục đóng nữa. Còn thiếu 04 tháng chưa đóng, số tiền còn thiếu là 16.000.000đ.

- Dây thứ 02: Dây hụi tháng, khui ngày 06/8/2020 (âm lịch), gồm 21 phần, mỗi phần đóng 2.000.000đ/tháng. Bà H tham gia 02 phần và đã hốt hụi vào ngày 06/10/2020 (âm lịch), ngày 06/11/2020 (âm lịch). Sau đó, bà H đóng hụi đến hết tháng 12/2021 (âm lịch) thì không tiếp tục đóng nữa. Còn thiếu 04 tháng chưa đóng, số tiền còn thiếu là 16.000.000đ.

- Dây thứ 03: Dây hụi tháng, khui ngày 09/10/2020 (âm lịch), gồm 21 phần, mỗi phần đóng 2.000.000đ/tháng. Bà H tham gia 03 phần và đã hốt hụi vào ngày 09/01/2021 (âm lịch), ngày 09/02/2021 (âm lịch), ngày 09/05/2021 (âm lịch). Sau đó, bà H đóng hụi đến hết tháng 12/2021 (âm lịch) thì không tiếp tục đóng nữa. Còn thiếu 06 tháng chưa đóng, số tiền còn thiếu là 36.000.000đ.

- Dây thứ 04: Dây hụi tháng, khui ngày 06/01/2021 (âm lịch), gồm 21 phần, mỗi phần đóng 2.000.000đ/tháng. Bà H tham gia 01 phần và đã hốt hụi vào ngày 06/3/2021 (âm lịch). Sau đó, bà H đóng hụi đến hết tháng 12/2021 (âm lịch) thì không tiếp tục đóng nữa. Còn thiếu 09 tháng chưa đóng, số tiền còn thiếu là 18.000.000đ.

- Dây thứ 05: Dây hụi tháng, khui ngày 16/02/2021 (âm lịch), gồm 21 phần, mỗi phần đóng 2.000.000đ/tháng. Bà H tham gia 02 phần và đã hốt hụi vào ngày 16/4/2021 (âm lịch) và 16/5/2021 (âm lịch). Sau đó, bà H đóng hụi đến hết tháng 12/2021 (âm lịch) thì không tiếp tục đóng nữa. Còn thiếu 10 tháng chưa đóng, số tiền còn thiếu là 40.000.000đ.

- Dây thứ 06: Dây hụi tháng, khui ngày 16/02/2021 (âm lịch), gồm 21 phần, mỗi phần đóng 2.000.000đ/tháng. Bà H tham gia 01 phần và đã hốt hụi vào ngày 16/3/2021 (âm lịch). Sau đó, bà H đóng hụi đến hết tháng 12/2021 (âm lịch) thì không tiếp tục đóng nữa. Còn thiếu 10 tháng chưa đóng, số tiền còn thiếu là 20.000.000đ.

- Dây thứ 07: Dây hụi tháng, khui ngày 16/02/2021 (âm lịch), gồm 21 phần, mỗi phần đóng 2.000.000đ/tháng. Bà H tham gia 02 phần và đã hốt hụi vào ngày 16/4/2021 (âm lịch) và 16/5/2021 (âm lịch). Sau đó, bà H đóng hụi đến hết tháng 12/2021 (âm lịch) thì không tiếp tục đóng nữa. Còn thiếu 10 tháng chưa đóng, số tiền còn thiếu là 40.000.000đ.

- Dây thứ 08: Dây hụi tháng, khui ngày 22/3/2021 (âm lịch), gồm 21 phần, mỗi phần đóng 1.000.000đ/tháng. Bà H tham gia 02 phần và đã hốt hụi vào ngày 22/3/2021 (âm lịch) và 22/4/2021 (âm lịch). Sau đó, bà H đóng hụi đến hết tháng 12/2021 (âm lịch) thì không tiếp tục đóng nữa. Còn thiếu 11 tháng chưa đóng, số tiền còn thiếu là 22.000.000đ.

- Dây thứ 09: Dây hụi tháng, khui ngày 24/4/2021 (âm lịch), gồm 21 phần, mỗi phần đóng 2.000.000đ/tháng. Bà H tham gia 01 phần và đã hốt hụi vào ngày 24/7/2021 (âm lịch). Sau đó, bà H đóng hụi đến hết tháng 12/2021 (âm

lịch) thì không tiếp tục đóng nữa. Còn thiếu 12 tháng chưa đóng, số tiền còn thiếu là 24.000.000đ.

- Dây thứ 10: Dây hụi tháng, khui ngày 24/4/2021 (âm lịch), gồm 21 phần, mỗi phần đóng 2.000.000đ/tháng. Bà H tham gia 01 phần và đã hốt hụi vào ngày 24/5/2021 (âm lịch). Sau đó, bà H đóng hụi đến hết tháng 12/2021 (âm lịch) thì không tiếp tục đóng nữa. Còn thiếu 12 tháng chưa đóng, số tiền còn thiếu là 24.000.000đ.

Tổng cộng số tiền bà H nợ hụi của bà đối với các dây hụi do bà làm chủ hụi là 256.000.000đ.

Còn đối với các dây hụi do bà chơi của bà H làm chủ hụi thì do thời gian dài và việc chơi hụi chỉ ghi tại sổ cá nhân của bà H nên hiện tại bà không nhớ rõ số dây hụi, thời gian và số tiền cụ thể của các dây hụi đã tham gia. Việc chơi hụi chỉ có ghi vào sổ cá nhân của mỗi bên chứ hai bên không lập biên nhận cụ thể của từng dây hụi.

Đến cuối năm 2021, khi các dây hụi bà tham gia đã mãn hụi và theo thỏa thuận bà H phải thanh toán cho bà số tiền hụi đã đóng và tiền lãi. Tuy nhiên, bà H bị bể hụi nên không thanh toán cho bà.

Ngoài ra, đến cùng thời điểm trên có một số dây hụi mà bà H chơi hụi do bà làm chủ hụi thì bà H đã hốt hụi nhưng không tiếp tục đóng hụi.

Do đó, đến ngày 11/5/2022 (âm lịch), bà H và bà đã tính toán lại toàn bộ số nợ hụi và xác định bà H còn nợ của bà số tiền nợ hụi là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Bà H có trực tiếp viết "Giấy thiếu tiền hụi" ghi ngày 11/5/2022 (âm lịch) và ký, ghi rõ họ và tên. Theo đó, bà H hứa khi nào giải quyết tiền đất xong (bán đất) sẽ thanh toán cho bà.

Tuy nhiên, sau đó bà H đã bán đất nhưng vẫn không có thiện chí thanh toán cho bà mặc dù bà đã yêu cầu nhiều lần.

Việc chơi hụi được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông Phún Cỏng S. Ông S biết việc chơi hụi của bà H nhưng ông S không gặp bà để thỏa thuận chơi hụi, giao, nhận tiền hụi gì cả. Bà H làm chủ hụi để phục vụ kinh tế chung của gia đình nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh cả.

Vào thời điểm bắt đầu chơi hụi thì bà có mối quan hệ hôn nhân với ông Lê Văn Đ – sinh năm: 1971. Đến năm 2019, bà và ông Đ ly hôn nhau. Tuy nhiên, số tiền liên quan đến việc góp hụi là tài sản riêng của bà, không phải tài sản chung của bà và ông Đ.

Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu buộc bà Ửng Thanh H và ông Phún Cỏng S phải có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu bà H thanh toán cho bà số tiền nợ hụi là 1.000.000.000đ. Ngoài ra, bà không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Ửng Thanh H trình bày:

Bà và bà Lê Thị V là hàng xóm của nhau nên quen biết nhau từ lâu. Bà cùng bà V có cùng nhau mở dây hụi và cùng làm chủ hụi tại địa phương từ khoảng năm 2019 (không nhớ rõ thời gian cụ thể) đến khoảng năm 2021.

Bà và bà V cùng thỏa thuận mở hụi để cho người quen cùng chơi. Bà và bà V khui rất nhiều dây hụi nên không nhớ rõ số dây hụi, thời gian và số tiền cụ thể của các dây hụi đã tham gia chơi hụi. Nhiều nhất 01 tháng khui 13 dây hụi, dây nhiều nhất là 13 phần, dây hụi cao nhất là 5.000.000đ/phần. Việc chơi hụi ban đầu thì rất suôn sẻ nhưng đến năm 2019 do tình hình dịch bệnh nên có rất nhiều hụi viên trong các dây hụi do bà chủ hụi không tiếp tục đóng hụi. Đối với các dây hụi do bà làm chủ hụi thì bà V đóng hụi đầy đủ nhưng khi mãn hụi thì có dây hụi bà thanh toán thiếu, có dây chưa thanh toán tiền hụi cho bà V. Đối với các dây hụi do bà V làm chủ hụi thì khi bà thấy các dây hụi đến gần ngày mãn nên bà đã hốt toàn bộ các dây hụi trên để lấy lấy tiền đóng tràn qua cho những một số hụi viên của một số dây hụi do bà làm chủ. Sau đó, bà có đóng hụi cho bà V một phần và còn thiếu của bà V một số dây hụi chưa đóng hết.

Đến ngày 11/5/2022 (âm lịch), bà và bà V có thống nhất với nhau số tiền nợ hụi của bà đối với bà V là 1.000.000.000đ. Bà có trực tiếp viết "Giấy thiếu tiền hụi" ghi ngày 11/5/2022 (âm lịch) và ký, ghi rõ họ và tên. Mục đích khi chơi hụi chủ yếu là để sử dụng cho việc chi tiêu cá nhân và mua đồ sinh hoạt cho gia đình một ít còn chủ yếu là để thanh toán tiền hụi cho các hụi viên khác do một số hụi viên không đóng. Ngoài ra, tiền chơi hụi bà có được không đầu tư, kinh doanh gì. Ngoài việc làm chủ hụi và chơi hụi thì chị không có nghề nghiệp, nguồn thu nhập nào khác.

Khi bà mở hụi để chơi thì chồng bà là ông Phún Cỏng S có biết, nhưng chơi bao nhiêu nợ tiền hụi hay thu hụi như thế nào thì ông S không biết. Sau đó, bà và bà V thỏa thống nhất với nhau về số tiền nợ hụi thì có nói cho ông S biết thì ông S nói là việc nợ nần nêu trên không liên quan đến ông S.

Nay bà Lê Thị V yêu cầu bà và ông Phún Cỏng S có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ hụi là 1.000.000.000đ thì bà đồng ý thanh toán cho bà V. Nhưng đây là khoản nợ riêng của bà không liên quan đến ông S nên ông S không có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà. Khi bà báo cho ông S biết việc nợ tiền hụi bà V thì ông S có nói với bà là sẽ cho tiền bà trả nợ cho bà V chứ không liên đới trả nợ cho bà V theo yêu cầu khởi kiện của bà V.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phún Cỏng S trình bày:

Ông và bà Ứng Thanh H chung sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Còn bà Lê Thị V thì hay qua nhà ông chơi với bà H nên ông có biết chứ không có mối quan hệ thân thích gì.

Ông và bà H có 02 con chung, 01 con hiện nay đã đi làm việc, có thu nhập riêng; còn 01 con đang học lớp 5 tại xã PT.

Ông làm nghề làm rẫy tại địa phương, cụ thể là trồng cây ăn trái. Từ trước đến nay, bà H chỉ làm nghề chơi hụi tại địa phương, còn việc chơi hụi cụ thể như thế nào thì ông không biết. Thu nhập trung bình hàng tháng của ông từ việc làm rẫy của gia đình khoảng từ 10.000.000đ – 15.000.000đ, còn thu nhập

của bà H bao nhiêu thì ông không biết. Thời gian tham gia chơi hụi của bà H cụ thể thì ông cũng không biết, khi bà H mới chơi hụi thì bà H có nói với ông là bà "làm hụi". Ông cũng không hỏi rõ là chơi hụi với ai, cụ thể như thế nào, số tiền bao nhiêu, bao nhiêu người chơi.

Cách đây khoảng 03 tháng thì có người tới nhà ông hỏi bà H thì ông có nói lại cho bà H thì lúc này bà H mới kể là do bà đi làm hụi nên dẫn đến nợ. Vì vậy mới có người đến nhà tìm bà để đòi tiền hụi. Khi ông nghe bà H nói vậy chứ bản thân ông cũng không hỏi rõ nợ hụi những ai, số tiền cụ thể là bao nhiêu thì bà H cũng không nói rõ cho ông biết. Bản thân ông cũng chưa bao giờ đóng hụi thay cho bà H lần nào.

Ông cũng không biết rõ bà H nợ tiền hụi của bà V số tiền cụ thể bao nhiêu, từ lúc nào. Khi bà V khởi kiện và ông nhận được thông báo thụ lý của Tòa án thì ông mới biết bà H nợ bà V số tiền 1.000.000.000đ.

Việc bà H nợ tiền hụi của bà V thì ông không biết, số tiền bà H chơi hụi có được bao nhiêu ông cũng không biết và cũng chưa bao giờ sử dụng khoản tiền hụi nào của bà H đưa để chi tiêu trong gia đình, việc bà H nợ tiền hụi không liên quan gì đến ông.

Thu nhập của ông đủ để lo cho cho gia đình, ông không sử dụng thu nhập của bà H để chi tiêu.

Ông và bà H có tạo lập được khối tài sản chung là diện tích đất khoảng 1,2 hecta, trên đất có 01 căn nhà cấp 04 tọa lạc tại ấp 6, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Nguồn gốc đất được bố mẹ ông tặng cho, căn nhà do vợ chồng ông xây dựng vào năm 2002. Trong quá trình chung sống, ông và bà H không thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng, không thỏa thuận phân chia tài sản của vợ chồng.

Đối với số tiền nợ hụi của bà H với bà V là 1.000.000.000đ thì ông có ý kiến đây là nợ riêng của bà H. Ông không giao dịch chơi hụi, giao nhận tiền hụi, xác nhận hụi và khoản nợ trên không liên quan gì đến ông nên ông không có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho bà V. Khi nào ông có tiền thì ông sẽ hỗ trợ cho bà H trả nợ. Nên ông không Đ ý với yêu cầu khởi kiện của bà V.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2023, ông Lê Văn Đ trình bày:

Ông và bà Lê Thị V kết hôn với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 15/10/2019, ông bà thuận tình ly hôn theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Việc bà V trình bày giao dịch góp hụi giữa bà V và ông Phún Cỏng S, bà Ưng Thanh H có được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của ông bà từ năm 2017 đến năm 2019. Nay ông có ý kiến như sau:

Giao dịch góp hụi giữa bà V và ông S, bà H cụ thể như thế nào thì ông không biết và không liên quan. Ông không đứng ra thỏa thuận chơi hụi, giao nhận tiền hụi và ký các giấy tờ liên quan đến chơi hụi.

Số tiền tham gia chơi hụi là tài sản riêng của bà V, không phải là tài sản chung của ông và bà V trong thời kỳ hôn nhân.

Vì vậy nay bà V khởi kiện yêu cầu ông S và bà H về tranh chấp hợp đồng góp hụi thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu có trách nhiệm thanh toán thì ông đề nghị Tòa án buộc chỉ thanh toán cho một mình bà V.

Do ông không liên quan đến vụ án nên ông yêu cầu Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không triệu tập ông đến Tòa án giải quyết vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập thì Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về trách nhiệm thanh toán nợ: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Ưng Thanh H về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Ưng Thanh H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị V số tiền nợ hụi là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

+ Về án phí: Đề nghị buộc bà Ưng Thanh H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị V khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi đối với bị đơn ông Phún Cỏng S và bà Ưng Thanh H. Ông S và bà H đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng:

Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Lê Thị V là người khởi kiện nên xác định là nguyên đơn, ông Phún Cỏng S và bà Ưng Thanh H là người bị kiện nên xác định là bị đơn.

Giao dịch dân sự được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của bà V và ông Lê Văn Đ. Ông Đ trình bày không biết và không liên quan đến giao dịch tài sản giữa bà V và ông S, bà H. Do đó, Tòa án không đưa ông Đ vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Phún Cỏng S và bà Ứng Thanh H là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng ông S và bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4]. Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 149 của Bộ luật dân sự năm 2015 do đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Do giao dịch dân sự (hợp đồng góp hụi) được xác lập và thực hiện từ năm 2017 đến năm 2021 nên pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Họ, hụi, biêu, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Họ, hụi, biêu, phường.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về hợp đồng góp hụi:

Bà Lê Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ứng Thanh H thanh toán số tiền nợ hụi là 1.000.000.000đ. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà V cung cấp chứng cứ là "Giấy thiếu tiền hụi" ngày 11/5/2022 (âm lịch).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H xác định bà có giao dịch chơi hụi với bà V và đến ngày 11/5/2022 (âm lịch) hai bên xác nhận bà H nợ bà V số tiền hụi là 1.000.000.000đ. Bà H xác định chứng cứ là "Giấy thiếu tiền hụi" ngày 11/5/2022 (âm lịch) do nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Do đó, xác định giao dịch góp hụi giữa bà V và bà H là thực tế, đúng sự thật và được xem xét.

[3.2]. Về trách nhiệm thanh toán nợ:

Giao dịch góp hụi được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông S. Bà H và ông S đều trình bày ông S không biết và không liên quan đến việc nợ hụi nêu trên.

Tại phiên tòa, bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán nợ. Xét ý kiến thay đổi của nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử xác định trách nhiệm thanh toán nợ của riêng bà Ứng Thanh H.

[3.4]. Về nợ hụi:

Bà Lê Thị V yêu cầu bà Ứng Thanh H có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hụi là 1.000.000.000đ.

Từ những phân tích như trên, xét thấy có sự việc bà V và bà H giao dịch góp hụi với nhau và tính đến ngày 11/5/2022 (âm lịch) bà H nợ bà V số tiền hụi là 1.000.000.000đ và lập "Giấy thiếu tiền hụi" ngày 11/5/2022 (âm lịch) để ghi nhận sự việc trên là đúng sự thật.

Bà H xác định hiện nay chưa thanh toán tiền hụi nêu trên cho bà V. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng, có cơ sở chấp nhận theo Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Họ, hụi, biêu, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Họ, hụi, biêu, phường.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử buộc bà Ứng Thanh H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị V số tiền nợ hụi là 1.000.000.000đ.

[4]. Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Ứng Thanh H phải chịu án phí DSST có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, án phí phải chịu được tính: 36.000.000đ + ((1.000.000.000đ – 800.000.000đ) x 3%) = 42.000.000.000đ.

[5]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Họ, hụi, biêu, phường;
- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Họ, hụi, biêu, phường;
- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V đối với bà Ứng Thanh H về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Ứng Thanh H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị V số tiền nợ hụi là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Ưng Thanh H phải chịu 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) án phí DSST có giá ngạch.

Trả lại cho bà Lê Thị V số tiền 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng) bà V đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002942 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phún Cỏng S và bà Ưng Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Lợi